

Số: 107/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 28/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 18/2015/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 28/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 391/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính, chủ yếu như sau:

1. Giới hạn lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm: Toàn bộ diện tích huyện Tĩnh Gia (12 xã trong Khu kinh tế Nghi Sơn cũ và các xã còn lại của huyện Tĩnh Gia); 03 xã: Yên Mỹ, Công Bình, Công Chính (thuộc huyện Nông Cống) và 03 xã: Thanh Tân, Thanh Kỳ, Yên Lạc (thuộc huyện Như Thanh).

Tổng diện tích lập quy hoạch: 106.000 ha (trong đó, có 66.497,57 ha đất liền, hải đảo và 39.502,43 ha mặt nước biển). Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Quảng Xương;
- Phía Nam giáp tỉnh Nghệ An;
- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp các xã: Tượng Văn, Tượng Lĩnh, Tượng Sơn, Công Liêm (huyện Nông Cống); Vườn Quốc gia Bến En, xã Phúc Đường (huyện Như Thanh).

2. Mục tiêu:

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia nói chung và chiến lược phát triển biển Việt Nam nói riêng;

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn thành khu vực phát triển năng động, đột phá, nhanh và bền vững, một trọng điểm phát triển phía Nam vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Là trung tâm thu hút về đầu tư và trung chuyển hàng hóa của vùng và khu vực; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh;

- Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn thành một khu vực phát triển công nghiệp tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển nước sâu với trọng tâm là công nghiệp lọc - hoá dầu và công nghiệp cơ bản; có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả;

- Tạo nhiều việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; từng bước hình thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực;

- Từ nay đến năm 2025, hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi, triển khai một số công trình hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Nghi Sơn. Sau năm 2025, phát triển đồng bộ về công nghiệp; dịch vụ; thương mại; tài chính; văn hóa – xã hội; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; gắn phát triển kinh tế xã hội với an ninh quốc phòng. Đầu tư phát triển

đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng trong các khu đô thị sinh thái, thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn cao; phát triển theo mô hình đô thị xanh và bền vững; phấn đấu trở thành một khu vực đô thị phát triển năng động và hiện đại;

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành “Thành phố công nghiệp xanh”, hướng tới là đô thị thông minh, đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, có quy mô dân số 500.000 người vào năm 2035, có môi trường sống tốt, xanh, sạch đẹp, đảm bảo việc làm ổn định, sinh kế cho người dân sống trong khu vực, nhất là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

3. Tính chất:

- Là Khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản, gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn; vận hành theo cơ chế ưu đãi đặc biệt; là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và khu vực Bắc Miền Trung;

- Là cụm đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đồng bộ và hiện đại với trung tâm là thành phố công nghiệp Nghi Sơn và các đô thị Hải Ninh, Yên Mỹ, Thanh Tân, được phát triển theo mô hình đô thị Thông minh - Xanh - Bền vững;

- Là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu trao đổi hàng hóa, kết nối vùng Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế thông qua hệ thống đường bộ và cảng biển Nghi Sơn;

- Có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh - quốc phòng.

4. Tầm nhìn:

Khu kinh tế Nghi Sơn hướng tới là một khu vực phát triển bền vững, trù phú, thịnh vượng; phát triển thống nhất với các chiến lược quy hoạch của quốc gia và tỉnh Thanh Hóa.

Khu kinh tế Nghi Sơn sẽ trở thành khu kinh tế trọng điểm của cả nước và có tầm vóc quốc tế, cơ bản trải qua 03 thời kỳ phát triển quan trọng đó là:

- Giai đoạn từ nay đến 2025: Tiếp tục vai trò là khu kinh tế trọng điểm của cả nước, xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp (công nghiệp nặng, phụ trợ, sử dụng nhiều lao động). Hình thành đô thị, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

- Giai đoạn 2026-2035: Thu hút các loại hình công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường. Gia tăng thu nhập dân cư, tăng tốc độ đô thị hóa, thúc đẩy phát triển mạnh du lịch, dịch vụ, phát triển thị trường tài chính, phát triển thị trường quốc tế. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển đô thị thông minh.

- Giai đoạn sau 2035: Thay đổi ngành nghề công nghiệp (thu hút các công nghiệp nhẹ - mỏng - ngắn - nhỏ thay thế các loại hình nặng - dày - dài - lớn). Hoàn thiện đô thị thông minh, phát huy đầu tư của doanh nghiệp nội địa, phát triển nhà ở, xây dựng thị trường tài chính mới. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, ổn định kinh tế, gia tăng thu nhập người dân một cách bền vững.

5. Định hướng quy hoạch tổng thể Khu kinh tế:

5.1. Định hướng tổ chức không gian:

Quy hoạch không gian tổng thể Khu kinh tế Nghi Sơn được triển khai theo phân khu (diện) và mạng lưới (tuyến) như sau:

- Hình thành mạng lưới kết nối các khu vực đô thị, lấy khu vực đô thị trung tâm huyện Tĩnh Gia làm trung tâm tổng hợp của Khu kinh tế Nghi Sơn, gắn với các chức năng hành chính, giáo dục, R&D và nhà ở đô thị;

- Hình thành 02 vành đai xanh dựa trên hệ thống núi rừng hiện hữu trong khu kinh tế. Vành đai thứ nhất là vùng đồi núi bao quanh vùng lõi khu kinh tế gồm: Khu vực khu kinh tế cũ và khu vực Đô thị trung tâm Tĩnh Gia; vành đai thứ 2 là vùng đồi núi bao quanh khu vực phía Tây và phía Đông Bắc của khu kinh tế mở rộng;

- Hình thành trục cảnh quan đô thị chủ đạo của khu kinh tế theo hướng Tây Bắc - Đông Nam từ đỉnh núi Các Sơn (là đỉnh núi cao nhất trong khu vực) nối thẳng vị trí quy hoạch ga đường sắt trung tâm, hướng tới đảo Mê. Các không gian chính và điểm nhấn đô thị được tổ chức xoay quanh trục chủ đạo này;

- Phân vùng đất liền Khu kinh tế Nghi Sơn thành 05 khu vực như sau:

- + Khu vực cảng Nghi Sơn và phụ cận (gồm các xã: Nghi Sơn, Hải Hà, Hải Thượng, Hải Yến, Mai Lâm, Tĩnh Hải, Hải Bình): Là khu vực trọng điểm phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn. Trong đó tập trung phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp phụ trợ, tổng kho dầu thô và hóa chất, các kho xăng dầu, khí hóa lỏng, cảng biển, dịch vụ logistics, hậu cần cảng và một số chức năng khác;

- + Khu vực phía Nam (gồm các xã: Tùng Lâm, Tân Trường, Trường Lâm, Phú Lâm): Là khu vực phát triển logistics, cảng cạn, công nghiệp phụ trợ, cơ khí chế tạo, vật liệu xây dựng, tổng kho dầu thô và hóa chất vv... Đây là khu vực trọng yếu về giao thông với Quốc lộ 1A, nút giao đường bộ cao tốc, đường sắt Bắc Nam, ga và đường sắt cao tốc. Là khu vực cửa ngõ của tỉnh Thanh Hoá và Khu kinh tế Nghi Sơn ở phía Nam, hình thành liên kết vùng với tỉnh Nghệ An (đặc biệt là thị xã Hoàng Mai);

- + Khu vực đô thị trung tâm (gồm thị trấn Tĩnh Gia và các xã: Ninh Hải, Hải Hoà, Bình Minh, Hải Thanh, Nguyên Bình, Xuân Lâm, Trúc Lâm): Là trung tâm Thành phố với các hoạt động thương mại, dịch vụ, hành chính – chính trị, văn hóa – xã hội, vv... Khu đất phía Tây khu đô thị trung tâm phát triển chuyên biệt về giáo dục, đào tạo và công nghiệp triển khai R&D, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- + Khu vực Đông Bắc (gồm các xã: Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Triều Dương, Ngọc Lĩnh, Hùng Sơn, Định Hải, Anh Sơn... và trung tâm là khu đô thị Hải Ninh): Là cửa ngõ phía Bắc của Khu kinh tế Nghi Sơn, có dải ven biển dài 15km. Quy hoạch phát triển du lịch biển kết hợp với

đô thị; phát triển khu công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến thủy, hải sản, tổng kho đông lạnh gần với tuyến tránh Quốc lộ 1A và đường đi Cảng hàng không Thọ Xuân;

+ Khu vực phía Tây (gồm các xã: Công Chính, Công Bình, Yên Mỹ, Các Sơn, Phú Sơn, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ): Là khu vực đồi núi, sông hồ phía Tây với trung tâm là hồ Yên Mỹ, phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên trở thành khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí của Khu kinh tế Nghi Sơn, ngoài ra khai thác phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch, chế biến nông, lâm sản.

5.2. Quy hoạch sử dụng đất:

Bố trí quỹ đất phát triển các khu công nghiệp đảm bảo tính liên kết với hệ thống giao thông, cảng biển, lựa chọn đất xây dựng giảm thiểu việc di dân tái định cư, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, hạn chế rủi ro ngập lụt, tăng mức độ mạch lạc của không gian. Sau năm 2035 sẽ phát triển thêm 3.000ha đất công nghiệp về phía Tây Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn theo trục đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.

Bố trí quỹ đất phát triển các khu chức năng khác (du lịch, dịch vụ, thương mại, công trình đầu mối, vv...) tại các vị trí thuận lợi, đảm bảo tính liên kết và hỗ trợ giữa các khu chức năng với nhau.

Bố trí quỹ đất phát triển các khu dân cư đảm bảo nhu cầu của người dân, đáp ứng sự phát triển của các khu chức năng trong khu kinh tế.

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất như bảng sau:

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH ĐẾN 2025	QUY HOẠCH ĐẾN 2035	
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT LẬP QH	106.000,0	106.022,0	106.000,0	100,00
*	DIỆN TÍCH ĐẤT LIỀN VÀ ĐẢO	66.497,6	66.519,6	66.497,6	62,73
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	4.866,5	7.220,7	9.528,0	8,99
I	Đất dân dụng	3.044,7	4.470,3	5.289,3	4,99
1	Đất ở khu vực nội thị	2.234,6	3.156,5	3.594,0	3,39
1.1	Đất ở hiện trạng đô thị	2.234,6	2.198,0	2.148,0	2,03
1.2	Đất ở phát triển	-	958,5	1.446,0	1,36
2	Đất công cộng dịch vụ đô thị	51,7	189,8	227,3	0,21
3	Đất cây xanh công viên đô thị	5,3	323,0	443,0	0,42
4	Đất giao thông đô thị	753,1	801,0	1.025,0	0,97
II	Đất ngoài dân dụng	1.821,8	2.750,4	4.238,7	4,00
1	Đất thương mại dịch vụ ngoài dân dụng	158,6	412,0	883,0	0,83

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH ĐẾN 2025	QUY HOẠCH ĐẾN 2035	
2	Đất giáo dục đào tạo	22,6	209,0	209,0	0,20
3	Đất cây xanh cảnh quan	0,0	334,0	414,0	0,39
4	Đất công trình đầu mối	65,4	142,5	231,2	0,22
4.1	Đất Khu xử lý rác thải	31,2	40,0	108,7	0,10
4.2	Đất Ga dân dụng	5,5	12,5	12,5	0,01
4.3	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khác	28,7	90,0	110,0	0,10
5	Đất giao thông đối ngoại	1.575,2	1.652,9	2.501,5	2,36
B	ĐẤT CÁC KHU CHỨC NĂNG ĐẶC THÙ KHÁC	61.631,1	59.298,9	56.969,6	53,74
1	Đất công nghiệp, kho tàng	2.463,0	7.344,2	9.058,4	8,55
1.1	Khu Đông Bắc	0,0	1.258,0	1.720,0	1,62
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ...	0,0	954,0	1.392,0	1,31
-	Công nghiệp chế biến thủy hải sản	0,0	304,0	328,0	0,31
1.2	Khu trung tâm	15,0	781,0	781,0	0,74
-	Công nghiệp triển khai R&D	0,0	590,0	590,0	0,56
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sạch	15,0	191,0	191,0	0,18
1.3	Khu cảng Nghi Sơn	2.398,0	2.778,4	2.778,4	2,62
-	Công nghiệp nặng, công nghiệp cơ bản, công nghiệp phụ trợ	2.197,0	2.508,0	2.508,0	2,37
-	Kho tàng, tổng kho	160,0	229,4	229,4	0,22
-	Công nghiệp chế biến thủy hải sản	41,0	41,0	41,0	0,04
1.4	Khu phía Nam	50,0	1.014,8	1.372,0	1,29
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp vật liệu xây dựng	50,0	934,8	1.279,0	1,21
-	Cảng cạn, logistics	0,0	80,0	93,0	0,09
1.5	Khu phía Tây	0,0	1.512,0	2.407,0	2,27
-	Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, chế biến nông lâm sản...	-	1.320,0	2.060,0	1,94
-	Công nghiệp điện năng lượng mặt trời	-	192,0	347,0	0,33
2	Đất cảng	100,3	618,2	741,2	0,70
2.1	Bến thủy nội địa Khu Đông Bắc	2,9	6,2	6,2	0,01
2.2	Cảng biển Nghi Sơn	97,4	612,0	735,0	0,69
3	Đất khu sinh thái, khu dịch vụ du lịch	185,0	4.770,0	6.711,9	6,33
3.1	Khu du lịch biển	17,0	369,0	432,1	0,41
3.2	Khu du lịch sinh thái	168,0	4.401,0	6.279,9	5,92
-	Khu sinh thái, công viên chuyên đề, sân Golf hồ Hao Hao	0,0	1.109,0	1.619,0	1,53

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH ĐẾN 2025	QUY HOẠCH ĐẾN 2035	
-	Khu sinh thái hồ Khe Sanh	0,0	0,0	92,7	0,09
-	Khu sinh thái sông Bạng	0,0	890,0	890,0	0,84
-	Khu sinh thái hồ Quế Sơn	120,0	160,0	160,0	0,15
-	Khu sinh thái đảo Nghi Sơn	48,0	126,6	126,6	0,12
-	Khu sinh thái rừng Trường Lâm	0,0	553,9	553,9	0,52
-	Khu sinh thái, sân golf sông Tuấn Cung, hồ Kim Giao 2	0,0	373,5	501,0	0,47
-	Khu sinh thái, sân golf hồ Yên Mỹ	0,0	800,0	1.660,0	1,57
-	Khu phục vụ du lịch hồ Yên Mỹ	0,0	50,0	101,7	0,10
-	Khu sinh thái hồ Khe Lau	0,0	100,0	337,0	0,32
-	Khu sinh thái đảo Hòn Mê	0,0	238,0	238,0	0,22
4	Đất ở hiện trạng nông thôn	2.304,3	1.811,0	1.333,8	1,26
5	Đất an ninh, quốc phòng	633,5	450,0	411,2	0,39
6	Đất di tích, tôn giáo tín ngưỡng	57,8	160,5	360,5	0,34
7	Đất nghĩa trang	509,8	375,2	100,0	0,09
-	Nghĩa trang Núi Bọm	-	20,0	30,0	0,03
-	Nghĩa trang Nguyễn Bình	19,3	40,0	70,0	0,07
-	Các khu nghĩa trang khác	490,5	315,2	0,0	0,00
8	Đất cây xanh ven sông	679,3	666,5	656,0	0,62
9	Đất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	47.708,3	38.759,7	33.428,5	31,54
9.1	Đất lâm nghiệp (một phần diện tích đất lâm nghiệp nằm trong các khu du lịch sinh thái)	29.077,2	27.784,8	26.605,3	25,10
-	Đất rừng phòng hộ	6.539,2	7.721,5	7.721,5	7,28
-	Đất rừng sản xuất	22.538,0	20.063,3	18.883,8	17,81
9.2	Đất nuôi trồng thủy sản	1.251,3	1.121,0	834,0	0,79
9.3	Đất sản xuất nông nghiệp	17.177,8	9.815,2	5.950,5	5,61
-	Đất lúa	7.879,2	5.566,5	3.013,0	2,84
-	Đất trồng cây hàng năm	4.836,1	2.714,5	1.847,0	1,74
-	Đất trồng cây lâu năm	4.462,5	1.534,2	1.090,5	1,03
9.4	Đất nông nghiệp khác	202,0	38,7	38,7	0,04
10	Đất mặt nước, sông, suối	3.531,8	4.054,4	4.078,3	3,85
11	Đất chưa sử dụng và đất đồi núi khác	3.458,0	289,2	89,8	0,08
**	DIỆN TÍCH BIÊN	39.502,4	39.502,4	39.502,4	37,27
1	Khu neo đậu, chuyển tải	240,0	1.030,0	1.030,0	0,97
2	Khu neo đậu, tránh trú bão	1.287,5	1.287,5	1.287,5	1,21
3	Vùng đón trả hoa tiêu và kiểm dịch	1.040,6	1.040,6	1.040,6	0,98

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH ĐẾN 2025	QUY HOẠCH ĐẾN 2035	
4	Hành lang đường ống nhập dầu thô	350,5	350,5	350,5	0,33
5	Luồng cảng	2.400,0	3.600,0	4.800,0	4,53
6	Mặt biển	34.183,8	32.193,8	30.993,8	29,24

5.3. Quy hoạch phát triển công nghiệp:

Quy hoạch phát triển công nghiệp trong Khu kinh tế theo lộ trình ban đầu tập trung thu hút “Công nghiệp nặng và công nghiệp phụ trợ” với trụ cột là công nghiệp lọc hóa dầu, xi măng, nhiệt điện, gang thép và các lĩnh vực liên quan, lấy phát triển Cảng biển làm hạ tầng giao thông nền tảng; giai đoạn dài hạn tập trung thu hút công nghiệp nhẹ, công nghiệp công nghệ cao, giảm dần các loại hình công nghiệp ô nhiễm môi trường. Theo đặc điểm của từng khu vực, định hướng quy hoạch các loại hình công nghiệp như bảng sau:

STT	Khu vực	Diện tích (ha)	Phân loại ngành thu hút
	Tổng	9.058	
1	Trung tâm đô thị	781	Ngành công nghệ cao, R&D
2	Cảng Nghi Sơn	2.778	Ngành công nghiệp nặng; công nghiệp cơ bản; cơ khí chế tạo, tổng kho dầu thô, hóa chất; các kho xăng dầu, khí hóa lỏng; công nghiệp phụ trợ, ...
3	Khu phía Nam	1.372	Công nghiệp phụ trợ; vật liệu xây dựng; cảng cạn, logistic, ...
4	Phía Đông Bắc	1.720	Công nghiệp nhẹ; công nghiệp phụ trợ, chế biến thủy, hải sản; tổng kho đông lạnh, ...
5	Phía Tây	2.407	Công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp sạch, điện năng lượng mặt trời, chế biến nông lâm sản; ...

6. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

6.1.1. Quy hoạch mạng lưới giao thông đối ngoại:

6.1.1.1. Về mạng lưới giao thông đường bộ:

a) Nâng cấp các tuyến:

- Quốc lộ 1A (quy mô 06 làn xe chính): Là tuyến đường kết nối thành phố Thanh Hoá đến Khu kinh tế Nghi Sơn, là trục Bắc Nam quan trọng của Khu kinh tế Nghi Sơn; đoạn đi qua khu vực Hải Ninh, CGĐĐ rộng 55,0m; đoạn đi qua khu vực trung tâm, CGĐĐ rộng 74,0m; đoạn đi qua khu vực Khu kinh tế cũ, CGĐĐ rộng 47,0m;

- Tuyến Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối Cảng hàng không Thọ Xuân đến Khu kinh tế Nghi Sơn, tuyến vừa đóng vai trò đường đối ngoại, vừa đóng vai trò đường vành đai xanh số 1 của đô thị, CGĐĐ rộng 76,0m;

- Đường Nghi Sơn – Bãi Trành (quy mô 02-08 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường Hồ Chí Minh đến cảng Nghi Sơn, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là đường vận tải hàng hoá chính đô thị; gồm 02 đoạn: Đoạn từ đường bộ cao tốc Bắc Nam đi đường Hồ Chí Minh, CGĐĐ 17,5m; Đoạn từ nút giao cao tốc tại xã Tân Trường đến nút giao cầu Hồ, CGĐĐ 51,0m;

- Đường Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn (quy mô 08-12 làn xe): Là tuyến đường kết nối Quốc lộ 1A với cảng biển Nghi Sơn đóng vai trò vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu qua khu vực cảng biển Nghi Sơn; gồm 03 đoạn: Đoạn từ nút giao cầu Hồ đến đường Bắc Nam 1B, CGĐĐ 66,0m; đoạn nối từ nút giao đường 513 với đường Bắc Nam 1B đến cảng biển Nghi Sơn, CGĐĐ 51,0m; đoạn đường tỉnh 513, CGĐĐ 43,5m;

- Tuyến đường 525 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường cao tốc đến khu đô thị Hải Ninh, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là đường vận tải hành khách chính của đô thị, CGĐĐ 39,0m;

- Tuyến đường 512 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 529 với Quốc lộ 1A, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là trục đường ngang phía Bắc của đô thị, CGĐĐ 39,0m;

- Tuyến đường Đông Tây 1 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối với đường Nghi Sơn - Bãi Trành và Ga đường sắt cao tốc với khu vực đô thị, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là trục đường ngang trung tâm của KKT Nghi Sơn, CGĐĐ 36,0m;

- Tuyến đường 529 (quy mô 04 làn xe): Là trục dọc phía Tây đóng vai trò như vành đai xanh số 2 kết nối thị xã Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá với Khu kinh tế Nghi Sơn, CGĐĐ 25,0m.

b) Xây dựng mới:

- Cao tốc Bắc Nam (quy mô 6 làn xe): Tạo mối liên hệ giữa Khu kinh tế Nghi Sơn với các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ và tỉnh Nghệ An. Tuyến vừa đóng vai trò đường đối ngoại vừa đóng vai trò đường vành đai 2 dọc phía Tây đô thị. Đoạn qua Khu kinh tế gồm hai loại mặt cắt (đoạn có đường gom hai bên và đoạn có đường gom một bên), CGĐĐ lần lượt là 132,5m và 120,0m;

- Tuyến đường bộ ven biển (quy mô 08 làn xe): Đi phía Đông cách bờ biển từ (400-800)m, là tuyến đường liên kết Nghi Sơn với các đô thị ven biển phía Bắc như Hải Phòng, các đô thị phía Nam như Nghệ An, CGĐĐ 48,0m;

- Tuyến đường nối Quốc lộ 1A với đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối Cảng hàng không Thọ Xuân đến Khu kinh tế Nghi Sơn, tuyến đóng vai trò đường đối ngoại và là trục Bắc Nam quan trọng của Khu kinh tế Nghi Sơn, CGĐĐ rộng 64,0m;

- Tuyến nhánh nối Quốc lộ 1A hiện có với đường tránh Quốc lộ 1A (quy mô 04 làn xe): Là tuyến nhánh giai đoạn đầu nối Quốc lộ 1A phía sau cầu Ghép với tuyến đường mới nối Quốc lộ 1A với đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, CGĐĐ rộng 27,0m.

c) Nút giao thông:

* Nút giao khác mức

- Xây dựng mới 02 vị trí giao khác mức kiểm soát lối ra vào trên đường cao tốc Bắc Nam tại xã Vạn Thiện (tuyến đường ngang nối Quốc lộ 45 và đường Thọ Xuân – Nghi Sơn) và nút giao tại xã Tân Trường (đường Nghi Sơn - Bãi Trành);

- Xây dựng 02 nút giao trên Quốc lộ 1A một nút giao khác mức dạng hoa thị tại vị trí giao giữa đường Nghi Sơn – Bãi Trành và đường tỉnh 513 với Quốc lộ 1A (nút giao cầu Hồ) và một nút khác mức dạng cầu vượt trực thông tại vị trí giao giữa đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với Quốc lộ 1A (nút giao Khoa Trường);

- Xây dựng 01 vị trí giao khác mức dạng cầu vượt trực thông tại vị trí giao giữa đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn và đường tỉnh 512.

* Nút giao cùng mức:

Tại tất cả các vị trí giao nhau giữa trục giao thông đối ngoại với trục chính đô thị xây dựng các nút có đảo tự điều chỉnh (như các nút giao giữa đường Bắc Nam 2 với đường bộ ven biển; Quốc lộ 1A và đường Đông Tây 1; Quốc lộ 1A và đường tỉnh 525, đường 512,...)

6.1.1.2. Định hướng cơ bản về đường sắt:

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2025:

- Giữ nguyên hướng tuyến đường sắt thống nhất Bắc-Nam theo hiện trạng;

- Quy hoạch tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam nằm sát phía Đông đường bộ cao tốc Bắc Nam (theo hồ sơ quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2007);

- Xây dựng mới ga trung chuyển nằm tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistics;

- Nâng cấp, mở rộng ga Văn Trai (tại xã Hải Nhân) hiện tại thành ga hành khách chính nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách cho thành phố Nghi Sơn.

b) Giai đoạn 2035 và định hướng đến 2050:

- Xây dựng tuyến đường sắt nối từ vị trí quy hoạch ga hàng hóa mới tại Trường Lâm kết nối ra ga hàng hóa tại Cảng Nghi Sơn qua hầm chui núi Bằng Me, núi Thung, chạy song song theo tuyến đường bộ Đông Tây 4;

- Xây dựng ga đường sắt tại cảng biển nằm tiếp giáp với Khu bến cảng container số 2;

- Xây dựng ga hành khách đường sắt cao tốc Bắc Nam tại xã Phú Lâm.

6.1.1.3. Định hướng cơ bản về đường biển:

- Lượng hàng hóa thông qua cảng Nghi Sơn dự báo đến năm 2035 khoảng 101 triệu tấn;

- Mở rộng khu bến cảng container 2 thêm 02 bến về phía Đông và mở rộng phần khu hậu cần cảng container 2 về phía Nam hết vùng nước tỉnh Thanh Hóa;

- Xây dựng đê chắn sóng phía Bắc, mở rộng thêm cảng biển từ phía Bắc nhà máy Lọc hóa dầu đến giáp đường Đông Tây 2;

- Xây dựng khu phát triển dịch vụ Logistics;

- Nạo vét luồng cảng và nâng cấp cầu cảng Nghi Sơn đáp ứng cỡ tàu từ 70.000DWT – 100.000DWT.

6.1.1.4. Định hướng cơ bản về đường thủy:

- Nâng cấp cảng Lạch Bạng kết hợp với âu tàu tránh trú bão;

- Nạo vét luồng lạch sông Yên đoạn từ phao số 0 đến cầu Ghép dài 12 km hiện là cấp 2 đường thủy nội địa (bề rộng 60m và sâu 4,2m), cho tàu đến 600 tấn đi lại. Cảng này sẽ đáp ứng nhu cầu vận chuyển các mặt hàng nông sản, thủy hải sản và hàng tiêu thụ công nghiệp cho khu công nghiệp phía Bắc;

- Quy hoạch tuyến phục vụ du lịch trên biển: Là tuyến từ bờ ra đảo Hòn Mê. Tuyến dài 20 km được công bố là tuyến đường thủy nội địa Quốc gia do Cục đường thủy nội địa quản lý theo Quyết định số 304/QĐ-BGTVT ngày 01/02/2010, cấp kỹ thuật đạt cấp 1 đường thủy nội địa, đã đủ báo hiệu chỉ luồng cho tàu lưu thông 24/24h;

- Nạo vét luồng lạch sông Bạng, xây dựng kè dọc 2 bên sông khai thác du lịch cảnh quan ven sông Bạng;

- Quy hoạch các bến thuyền du lịch tại đảo Biện Sơn và tại xã Hải Thanh.

6.1.1.5. Định hướng cơ bản về đường hàng không:

Sử dụng sân bay tại huyện Thọ Xuân, khoảng cách đến Nghi Sơn là 60 km.

6.1.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông đối nội:

Mạng lưới đường dạng ô bàn cờ, phân bố chủ yếu theo hướng Bắc Nam và Đông Tây, bao gồm đường trục chính đô thị: Phục vụ giao thông toàn đô thị, kết

nối các khu chức năng của đô thị gồm 2 hướng chính là Bắc - Nam và Đông - Tây; đường khu vực: Trên cơ sở các tuyến giao thông hiện có, cải tạo và mở rộng đảm bảo việc kết nối giao thông trong đô thị.

6.1.2.1. Đường chính đô thị:

- Tuyến đường Hải Hoà - Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (quy mô 08 làn xe): Là tuyến nối tiếp đường Cảng hàng không Thọ Xuân - Nghi Sơn với khu du lịch Hải Hoà, CGĐĐ 43,0m;

- Tuyến đường Bắc Nam 2 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến nối đô thị trung tâm với khu công nghiệp phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn, CGĐĐ 36,0m;

- Tuyến đường Tân Trường - Thanh Tân (quy mô 04 làn xe): Là tuyến nối khu vực thị xã Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An với khu công nghiệp phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn, CGĐĐ 27,0m;

- Tuyến đường Vành đai khu công nghiệp Tân Trường (quy mô 08 làn xe): Là tuyến nối Khu công nghiệp Tân Trường với cảng biển, CGĐĐ 43,0m.

6.1.2.2. Đường liên khu vực:

- Tuyến trục chủ đạo là trục cảnh quan trung tâm của đô thị theo hướng trục nhìn từ đỉnh Am Các đến đảo Mê, CGĐĐ 96,0m;

- Đường trục cảnh quan Định Hải - Hải Lĩnh là trục cảnh quan đi qua khu vực công viên chuyên đề, tạo hướng nhìn từ núi Am Các xuống cửa biển Hải Lĩnh, CGĐĐ 48,0m;

- Đường trục trung tâm đô thị phía Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn, nối khu công nghiệp phía Bắc với khu sinh thái biển phía Đông Bắc, CGĐĐ 43,0m;

- Đường Hải Ninh - Hùng Sơn (quy mô 04 làn xe) là tuyến vành đai khu đô thị phía Bắc, CGĐĐ 27,0m;

- Đường Anh Sơn - Yên Mỹ (quy mô 04 làn xe) là tuyến nối khu đô thị Yên Mỹ với khu công nghiệp phía Bắc, CGĐĐ 25,0m;

- Đường Yên Lạc 1 (quy mô 04 làn xe) là tuyến kết nối tỉnh lộ 529 với tỉnh lộ 505 đi huyện Như Thanh, CGĐĐ 25,0m;

- Tuyến Đông đường sắt Bắc Nam (quy mô 04 làn xe) đi song song với đường sắt Bắc Nam nối khu công nghiệp phía Bắc đến khu vực Ga trung tâm và kết nối ra đường Quốc lộ 1A, CGĐĐ 25,0m;

- Tuyến Tây đường sắt Bắc Nam (quy mô 02 làn xe) đi song song với đường sắt Bắc Nam nối khu công nghiệp phía Bắc với khu công nghiệp công nghệ cao, R&D và kết nối ra đường Quốc lộ 1A, CGĐĐ 25,0m;

- Tuyến Hải Nhân - Xuân Lâm (quy mô 06 làn xe) đi song song với QL1A về phía Tây kết nối trung tâm đô thị với khu công viên chuyên đề, CGĐĐ 36,0m;

- Tuyến Ninh Hải - Bình Minh (quy mô 04 làn xe) đi song song với QL1A về phía Đông kết nối trung tâm đô thị với khu vực cảng Nghi Sơn qua tuyến đường bộ ven biển, CGĐĐ 27,0m;

- Tuyến Hải Châu - Ngọc Lĩnh (quy mô 06 làn xe) đóng vai trò như tuyến vành đai của khu đô thị phía Bắc, CGĐĐ 48,0m;

- Tuyến Anh Sơn - Ninh Hải (quy mô 03 làn xe) kết nối khu công nghiệp phía Bắc với khu du lịch ven biển qua khu đô thị trung tâm, CGĐĐ 16,5m;

- Tuyến Đông đường sắt cao tốc Bắc Nam (quy mô 04 làn xe) đi song song với đường sắt cao tốc Bắc Nam nối khu công nghiệp số 3, số 4, số 5 với ga tổng hợp, CGĐĐ 25,0m.

6.1.2.3. Đường chính khu vực:

- Tuyến Bắc Nam 3 (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 28,0m;

- Tuyến Bắc Nam 4 (quy mô 06 làn xe), CGĐĐ 36,0m;

- Tuyến Đông Tây 2 (quy mô 08 làn xe chính và 02 làn đường gom), CGĐĐ 57,0m;

- Đường Tĩnh Hải - Cảng cá (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 30,0m;

- Đường Nam Khu công nghiệp số 6 (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 60,0m;

- Đường Khu công nghiệp số 3, số 4, số 5 (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 27,0m;

- Đường Hải Hoà - Bình Minh; Tân Dân – Hải Ninh (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 43,0m;

- Đường Bình Minh - Nguyên Bình (quy mô 04-06 làn xe), CGĐĐ 34,0m và 27,0m;

- Đường Hải Lĩnh - Bình Minh (quy mô 03-04 làn xe), CGĐĐ 27,0m và 20,5m;

- Đường Hải Châu - Hải An; Tân Dân - Hải Ninh (quy mô 04 làn xe) CGĐĐ 25,0m;

- Đường Yên Lạc 2; Hùng Sơn - Thanh Thủy (quy mô 03 làn xe), CGĐĐ 16,5m;

- Đường Triều Dương - Hải Ninh; Hải An - Tân Dân; Các Sơn – Định Hải; Yên Mỹ 1, 2, 3 (quy mô 03 làn xe), CGĐĐ 20,5m;

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

6.2.1. Giải pháp san nền:

6.2.1.1. Phân chia lưu vực, lựa chọn cao độ san nền khống chế:

Khu vực quy hoạch phân chia thành 05 lưu vực, bao gồm:

- Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc với trục tiêu thủy chính là sông Thị Long sau đó thoát ra sông Yên rồi ra biển có diện tích lưu vực $F = 14.735ha$;

- Lưu vực 2: Khu vực phía Đông Bắc với trục tiêu thủy chính là kênh cầu Trắng và kênh Than (kênh Than nối sông Yên tại cống bến Ngao và sông Bạng tại cống Đò Bè. Hướng thoát chính ra cửa Lạch Bạng, diện tích lưu vực $F = 9.387\text{ha}$; Kênh Than có chiều rộng kênh từ 30m -150m, chiều rộng thoát lũ từ 150m - 500m, dài kênh 24km.

- Lưu vực 3: Khu vực phía Tây và phía Nam hồ Yên Mỹ, với các trục tiêu thủy là các khe suối được thoát về hồ Yên Mỹ diện tích lưu vực $F = 16.157\text{ha}$; Khu vực này là vùng bảo vệ nguồn nước, hạn chế xây dựng và không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

- Lưu vực 4: Khu sông Bạng với các trục tiêu thủy chính là sông Thạch Luyện, sông Tuần Cung và sông Lạch Bạng thoát ra cửa Lạch Bạng diện tích lưu vực $F = 21.207\text{ha}$; chiều dài sông Bạng 17,5km (cầu Hồ - cửa biển), chiều rộng lòng sông phân hạ du 150m-200m, có đoạn 400m-500m đáy sông -4.0m đến - 6.0m; Cao trình đê sông Bạng hiện từ +3.0m đến +3.6m; Đây là lưu vực lựa chọn cao độ tuân thủ theo quy hoạch Khu kinh tế Nghi Sơn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007.

- Lưu vực 5: Khu vực phía Đông Nam với trục tiêu thủy chính là sông Yên Hòa và hồ Đồng Chùa diện tích lưu vực $F = 5.011\text{ha}$; Đây là lưu vực lựa chọn cao độ tuân thủ theo quy hoạch Khu kinh tế Nghi Sơn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007; Cao độ xây dựng +3.50m đảm bảo không ngập úng ứng với tần suất $P=1\%$; Khu vực Nam sông Yên có cao độ hiện trạng (nhỏ nhất là +5.0m) không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

6.2.1.2. Giải pháp san nền:

- Độ dốc nền thoát nước là $i=0,004 - 0,03$, đảm bảo thoát nước mặt tốt;

- San lấp cục bộ, cân bằng đào đắp đối với khu vực $i < 10\%$ theo nguyên tắc xử lý cục bộ tại chỗ, cân bằng đào đắp trong từng công trình. Các khu vực không tổ chức xây dựng sẽ giữ nguyên địa hình tự nhiên;

- San lấp theo các cấp liên hệ với nhau bằng dải cây xanh và mái taluy, hệ số mái dốc $m = 1/0,75$ đối với khu vực có độ dốc tự nhiên $10\% \leq i \leq 20\%$;

- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi phát triển xen cây bổ sung xây dựng thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần quản lý cao độ nền. Nền xây dựng phải đảm bảo phối kết hài hoà với khu vực xung quanh, không ảnh hưởng tới hướng thoát nước chung của khu vực.

6.2.2. Giải pháp thoát nước mưa:

6.2.2.1. Hệ thống thoát:

- Dùng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, dùng hệ thống cống tự chảy thoát ra nguồn tiếp nhận gần nhất (sông, hồ, biển);

- Mạng lưới thoát nước trải đều theo mạng lưới đường đảm bảo 70% - 80% các tuyến đường có cống.

6.2.2.2. Giải pháp kỹ thuật:

- Hệ thống thoát nước được thiết kế hoạt động theo chế độ tự chảy bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kỹ thuật, hố ga và cửa xả.

- Chỉ tiêu mật độ cống: 120 - 150m/ha đất xây dựng đô thị, 70%-80% tổng chiều dài đường đô thị có cống.

6.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

6.3.1. Tổng nhu cầu sử dụng điện của Khu kinh tế Nghi Sơn:

- Đợt đầu (2018÷2025): Công suất 1.303,3 MVA;

- Dài hạn (2026÷2035, tầm nhìn đến 2050): Công suất 2.737,1 MVA.

6.3.2. Định hướng cấp điện:

6.3.2.1. Nguồn điện và lưới điện truyền tải:

- Nguồn điện cấp cho Khu kinh tế Nghi Sơn là hệ thống điện Quốc gia khu vực miền Trung, thông qua lưới điện 500kV và 220kV;

- Lưới điện Quốc gia: Trong ranh giới quy hoạch có tuyến 220kV mạch đơn từ Thanh Hóa đi Vinh, dây dẫn AC 300. Đây là tuyến chính cấp cho toàn bộ khu vực và liên kết với hệ thống điện Quốc gia cấp 220kV;

- Nhà máy điện: Hiện tại Khu kinh tế Nghi Sơn đã có quy hoạch trung tâm điện lực Nghi Sơn với tổng công suất 2.400MW (đã được Bộ Công thương phê duyệt năm 2017). Hiện nay đã đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn I với công suất 600MW, đang xây dựng Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn II với công suất 1.200MW. Đấu nối với hệ thống điện Quốc gia thông qua 2 cấp điện áp 220kV và 500kV.

Ngoài ra còn có nhà máy điện phục vụ cho Nhà máy Lọc hoá dầu Nghi Sơn với công suất 400MW và dự án Nhà máy điện mặt trời tại xã Phú Lâm đang được chuẩn bị đầu tư với công suất 160MWp.

6.3.2.2. Lưới điện 220kV và 110kV: Cập nhật quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035 đã được Bộ Công thương phê duyệt.

- Lưới 220kV:

- + Xây dựng mới trạm 220kV Nông Cống, công suất 2x250MVA;

- + Xây dựng mới trạm 220kV KKT Nghi Sơn, quy mô công suất 2x250MVA, giai đoạn 2016- 2020 lắp 01 máy 250MVA; giai đoạn 2021-2025 lắp thêm 01 máy 250MVA;

+ Xây dựng mới đường dây 220kV từ trạm 500kV Nghi Sơn đi trạm 220kV KKT Nghi Sơn, dây dẫn AC-2x330.

- Lưới 110kV:

Được lấy nguồn từ trạm 220kV Nghi Sơn. Cụ thể sẽ được phân vùng phụ tải qua các trạm trung gian 110kV theo từng giai đoạn triển khai của Khu kinh tế. Dự kiến xây dựng và cải tạo các trạm 110kV:

+ Trạm 110kV Tĩnh Gia: Công suất đặt máy là 2x63MVA. Phạm vi cấp điện của trạm là khu công nghiệp số 1 và số 2;

+ Trạm 110kV Xi măng Nghi Sơn: Công suất (35+40)MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110kV Gang thép 1, 2: Công suất mỗi trạm 4x63MVA là trạm chuyên dùng;

+ Trạm 110KV Ferocrom: Công suất (10+16)MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110KV Xi măng Công Thanh: Công suất dự kiến 2x40MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110KV khu công nghiệp Nghi Sơn 1: Công suất dự kiến 2x40MVA, cấp điện cho 03 khu công nghiệp số 3, số 4, số 5;

+ Trạm 110KV khu công nghiệp Nghi Sơn 2: Công suất dự kiến 2x40MVA, cấp điện cho khu vực đất công nghiệp phía Bắc nhà máy Lọc hóa dầu;

+ Trạm 110KV khu công nghiệp Trường Lâm: Công suất dự kiến 2x40MVA, đợt đầu 40MVA cấp điện cho khu công nghiệp phía Nam Khu kinh tế;

+ Trạm 110kV Nguyên Bình (Tĩnh Gia 2): Công suất dự kiến 2x63MVA, đợt đầu 63MVA, cấp điện cho khu công nghiệp công nghệ cao và đô thị trung tâm;

+ Trạm 110KV Triều Dương (Tĩnh Gia 3): Công suất dự kiến 2x40MVA, đợt đầu 40MVA, cấp điện cho đô thị Hải Ninh;

+ Trạm 110KV Hùng Sơn: Công suất dự kiến 2x80MVA, đợt đầu 40MVA, cấp điện cho khu công nghiệp phát triển phía Đông Bắc Khu kinh tế;

+ Trạm 110KV Yên Mỹ: Công suất dự kiến 2x25MVA, đợt đầu 25MVA, cấp điện cho khu vực đô thị Yên Mỹ;

+ Trạm 110KV Công Chính: Công suất dự kiến 2x63MVA, đợt đầu 63MVA, cấp điện cho khu công nghiệp phía Tây Bắc Khu kinh tế;

+ Trạm 110KV Thanh Kỳ: Công suất dự kiến 63MVA, cấp điện cho khu vực đô thị Thanh Kỳ, khu du lịch sinh thái hồ Yên Mỹ và khu đô thị Phú Lâm, Phú Sơn.

6.3.2.3. Lưới điện trung áp:

Lưới điện trung áp trong khu vực được thiết kế sử dụng điện áp 22kV để chuẩn hóa thiết bị toàn quốc. Tuyến điện 35kV hiện tại sẽ dần được cải tạo và chuyển sang vận hành ở điện áp 22kV.

6.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

6.4.1. Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước các khu đô thị và công nghiệp: 385.000 m³/ng.đêm

6.4.2. Chọn nguồn nước:

- Giai đoạn đến năm 2025:

+ Khi trạm bơm Trường Minh đi vào hoạt động vào năm 2019 sẽ bổ sung thêm được 50.000 m³/ng.đêm, nâng tổng lượng nước có khả năng cấp cho Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2019 là 175.000 m³/ng.đêm từ 3 hồ: Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa;

+ Đến năm 2025 với nhu cầu dùng nước tăng thêm là 106.000 m³/ng.đêm (tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2025 là 284.000 m³/ng.đêm). Vì vậy, cần bổ sung nguồn nước được lấy từ hồ Cửa Đạt và xây dựng hệ thống công trình cấp nước dẫn về Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2035:

+ Đến năm 2035 nhu cầu dùng nước của Khu kinh tế Nghi Sơn sẽ là 385.000 m³/ng.đêm; Tổng lượng nước cấp từ nguồn các hệ thống Bái Thượng, Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa, Hao Hao, Sông cầu Hung tính đến năm 2025 là 302.000 m³/ng.đêm, Như vậy, tầm nhìn đến năm 2035 thì nhu cầu nước Khu kinh tế Nghi Sơn tăng thêm so với năm 2025 là 101.000 m³/ng.đêm;

+ Đầu tư xây dựng thêm hệ thống công trình lấy, dẫn và chứa nước với lưu lượng cần cung cấp là 80.000 m³/ng.đêm, từ hồ Cửa Đạt về Khu kinh tế Nghi Sơn.

6.4.3. Nhà máy nước:

- Giai đoạn đến năm 2025: Với nhu cầu tính toán 284.000 m³/ng.đêm

+ Nâng công suất nhà máy nước hiện có tại hồ Đồng Chùa từ 60.000 m³/ng.đêm lên thành 90.000 m³/ng.đêm; Lấy nguồn nước từ các hồ chứa nước Đồng Chùa, hồ Yên Mỹ cấp nước cho khu vực phía Đông Nam Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Nhà máy nước tại hồ Quế Sơn công suất 60.000 m³/ng.đêm cấp nước cho Khu kinh tế Nghi Sơn. Lấy nguồn nước từ các hồ chứa Quế Sơn, hồ Yên Mỹ; cấp nước cho khu vực phía Tây Nam và một phần phía Đông Nam;

+ Xây dựng nhà máy nước tại hồ Hao Hao, xã Hải Nhân huyện Tĩnh Gia. Lấy nguồn nước từ hồ chứa Hao Hao, hồ Yên Mỹ, hồ Cửa Đạt 105.000 m³/ng.đêm, cấp nước cho khu vực phía Tây Bắc và trung tâm đô thị;

+ Xây dựng Nhà máy nước Tân Dân tại phía Đông Nam xã Ngọc Lĩnh. Lấy nguồn nước từ hồ Cửa Đạt (qua kênh Nam và trạm bơm Tượng Sơn) 20.000 m³/ng.đêm, cấp nước cho khu vực phía Đông Bắc;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống (nằm ngoài KKT Nghi Sơn). Lấy nguồn nước từ hồ Sông Mực; công suất từ 15.000 m³/ng.đêm, lên 40.000 m³/ng.đêm, cấp nước cho khu vực phía Tây Khu kinh tế Nghi Sơn và các xã khác thuộc huyện Nông Cống;

- Giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050: Với nhu cầu tính toán 385.000 m³/ng.đêm

+ Nâng cấp Nhà máy nước tại hồ Hao Hao công suất từ 105.000 m³/ng.đêm, lên thành 125.000 m³/ng.đêm;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống công suất từ 40.000 m³/ng.đêm, lên thành 80.000 m³/ng.đêm;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Tân Dân công suất từ 20.000 m³/ng.đêm, lên thành 30.000 m³/ng.đêm.

6.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

6.5.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

6.5.1.1. Tổng hợp lượng nước thải phát sinh từng giai đoạn:

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khu vực đô thị đến 2025: 231.000 m³/ng.đêm (bao gồm cả nước thải công nghiệp và đô thị);

- Tổng lượng thải khu vực đô thị và công nghiệp đến 2035: 328.000 m³/ng.đêm.

6.5.1.2. Phân vùng mạng lưới thoát nước thải: Chia thành 4 vùng lớn

- Vùng 1: Khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn hiện hữu

+ Lưu vực 1: Đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực công nghiệp phía Đông Nam Khu kinh tế hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 1 (đặt tại xã Hải Thượng) khoảng 20.000 m³/ng.đêm;

+ Lưu vực 2: Đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực công nghiệp phía Tây Khu kinh tế hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 2 (đặt tại xã Tân Trường) khoảng 30.000 m³/ng.đêm;

+ Lưu vực 3: Đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực phía Bắc Khu kinh tế hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 3 (đặt tại xã Hải Bình) khoảng 35.000 m³/ng.đêm.

- Vùng 2: Khu vực đô thị Trung tâm

+ Lưu vực 4: Đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Còng và các xã Nguyên Bình, Bình Minh, Hải Nhân, Hải Hòa, Ninh Hải. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 4 có công suất khoảng 40.000 m³/ng.đêm;

+ Lưu vực 5: Đảm nhận thoát nước thải cho khu giáo dục đào tạo và công nghiệp triển khai R&D thuộc khu đô thị trung tâm. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 5 có công suất khoảng 20.000 m³/ng.đêm.

- Vùng 3: Khu vực mở rộng về phía Tây Bắc

Khu đô thị Yên Mỹ và các xã Các Sơn, Công Bình, Công Chính, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ, Phú Sơn, Phú Lâm.

+ Lưu vực 6: Đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Yên Mỹ và khu dân cư các xã Công Bình, Công Chính, Yên Lạc. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 6 có công suất khoảng 20.000 m³/ng.đêm;

+ Lưu vực 7: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp Phú Lâm. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 7, công suất khoảng 5.000 m³/ng.đêm;

+ Lưu vực 8: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp phía Tây Bắc (gồm các xã Công Bình, Công Chính, Yên Lạc). Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 8 có công suất khoảng 35.000 m³/ng.đêm.

- Vùng 4: Khu vực mở rộng phía Đông Bắc Khu kinh tế

Khu vực công nghiệp phía Đông Bắc Khu kinh tế, Đô thị Hải Ninh và dân cư các xã Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Châu.

+ Lưu vực 9: Đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Hải Ninh và các xã Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Châu. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 9 có công suất khoảng 35.000 m³/ng.đêm;

+ Lưu vực 10: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp Đông Bắc của Khu kinh tế. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 10 có công suất khoảng 50.000 m³/ng.đêm.

6.5.2. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Tổng khối lượng chất thải rắn cần thu gom đến năm 2035 là: 2.490 tấn/ng.đêm;

- Mở rộng Khu xử lý chất thải tại xã Trường Lâm quy mô từ 60ha lên 108,7ha với công suất 2.500 tấn/ng.đêm phục vụ nhu cầu xử lý chất thải rắn cho toàn bộ Khu kinh tế.

6.5.3. Quy hoạch nghĩa trang nhân dân:

Cải tạo nghĩa trang Khu kinh tế Nghi Sơn tại khu vực sườn núi Lâm Động xã Xuân Lâm và xã Nguyên Bình khoảng 70ha phục vụ nhu cầu cất táng của Khu kinh tế; cải tạo Nghĩa trang núi Bọm thành công viên tâm linh, quy mô khoảng 30ha. Trong giai đoạn trước mắt, các điểm dân cư nông thôn vẫn cho tồn tại các nghĩa trang tập trung có quy mô từ 0,5- 2,0ha.

6.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Xây dựng phát triển hệ thống thông tin liên lạc của Khu kinh tế Nghi Sơn phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao,... phù hợp với sự phát triển chung của cả nước;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị sự nghiệp làm cơ sở triển khai Chính phủ điện tử;

- Hoàn thành việc xây dựng mạng diện rộng, phục vụ tốt các hoạt động kinh tế - xã hội.

7. Các nội dung điều chỉnh chủ yếu:

7.1. Điều chỉnh dự báo quy mô phát triển Khu kinh tế:

- Điều chỉnh dự báo quy mô dân số toàn Khu kinh tế đến năm 2025 khoảng 400.000 người (theo đồ án cũ được duyệt là 230.000 người), trong đó khu vực thành thị khoảng 260.000 người, khu vực nông thôn khoảng 140.000 người; đến năm 2035 khoảng 500.000 người, trong đó dân số khu vực thành thị khoảng 420.000 người, khu vực nông thôn khoảng 80.000 người;

- Điều chỉnh nhu cầu đất xây dựng dân dụng trong đô thị đến năm 2025 khoảng 4.470ha (theo đồ án cũ được duyệt khoảng 2.000ha), đến năm 2035 khoảng 5.289ha;

- Điều chỉnh dự báo nhu cầu đất phát triển công nghiệp trong Khu kinh tế đến năm 2025 khoảng 7.344ha (theo đồ án cũ được duyệt là 2.965ha); đến năm 2035 là 9.058ha; dự phòng đến năm 2050 lên tới 12.000ha. Tổng khối lượng hàng hóa thông qua Cảng Nghi Sơn đến năm 2035 đạt 101 triệu tấn.

7.2. Điều chỉnh chức năng sử dụng đất trong Khu kinh tế Nghi Sơn hiện hữu:

- Điều chỉnh chức năng khu phi thuế quan thành đất khu công nghiệp số 6 (đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Công văn số 6596/VPCP-KTN ngày 21/8/2015);

- Điều chỉnh một phần khu dân cư Trường Lâm thành đất công nghiệp;

- Điều chỉnh khu vực phía Nam đường Đông Tây 2 thuộc xã Trúc Lâm từ đất đô thị thành đất công nghiệp sạch;

- Điều chỉnh thay thế 02 khu Trung tâm đào tạo và dạy nghề theo quy hoạch cũ thành 01 Trung tâm giáo dục đặt phía Tây khu trung tâm đô thị;

- Điều chỉnh khu dân cư tại xã Tĩnh Hải (từ Khu phi thuế quan đến đường Đông Tây 2) thành Khu hậu cần cảng, để phù hợp với định hướng mở rộng cảng về phía Bắc;

- Bổ sung thêm Khu sinh thái, Trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở chuyên gia tại khu vực phụ cận các hồ: Kim Giao, Quế Sơn, Đồng Chùa và một số vị trí khác ven sông Bạng;

- Điều chỉnh không phát triển công nghiệp tại các núi Chuột Chù, núi Cam, núi Cốc, đồi 74 mà giữ lại làm các điểm dịch vụ du lịch cảnh quan và sinh thái;

- Điều chỉnh chuyển một phần trung tâm dịch vụ công cộng tại xã Hải Thượng ra xã Nghi Sơn thành trung tâm dịch vụ công cộng và đô thị (phần đất đô thị nhằm mục đích giãn dân cho xã đảo Nghi Sơn, hiện nay đã quá chật chội, điều kiện ăn ở, sinh hoạt, vệ sinh môi trường của người dân không đảm bảo; và phát triển thành đô thị hiện đại, đẹp, là điểm nhấn cho khu vực Cảng Nghi Sơn);

- Bổ sung thêm quỹ đất phát triển ngành công nghiệp thép đúng theo Quyết định số 5254/QĐ-BCT ngày 28/5/2015 của Bộ Công thương; ưu tiên sản xuất thép chất lượng cao phục vụ công nghiệp chế tạo;

- Điều chỉnh, bổ sung tổng kho dầu thô, hóa chất dự kiến bố trí tại các Khu công nghiệp số 1, số 4, số 6.

7.3. Điều chỉnh hệ thống hạ tầng trong Khu kinh tế Nghi Sơn hiện hữu:

7.3.1. Về đường sắt:

- Điều chỉnh dịch chuyển vị trí quy hoạch ga đường sắt tại cảng biển về phía Nam tiếp giáp với Khu bến cảng container số 2; điều chỉnh xây dựng ga trung chuyển mới thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistics;

- Điều chỉnh giữ nguyên tuyến đường sắt thống nhất Bắc - Nam theo hiện trạng (không cải dịch như phương án quy hoạch cũ đã được duyệt); điều chỉnh hướng tuyến đường sắt nối từ vị trí quy hoạch ga hàng hóa mới tại Trường Lâm kết nối ra ga hàng hóa tại Cảng Nghi Sơn (tiếp giáp bến container số 2) qua hầm chui núi Bằng Me, núi Thung, chạy song song theo tuyến đường bộ Đông Tây 4; bỏ tuyến đường sắt và ga phục vụ Khu phi thuế quan.

7.3.2. Về cảng biển:

- Điều chỉnh, bổ sung thêm 2 bến về phía Đông khu cảng container số 2, đồng thời mở rộng phần khu hậu cần cảng container số 2 về phía Nam đến giáp ranh giới tỉnh Thanh Hóa với tỉnh Nghệ An; bổ sung đê chắn sóng phía Bắc để mở rộng thêm cảng biển từ phía Bắc nhà máy Lọc hóa dầu đến giáp đường Đông Tây 2; nâng khả năng phục vụ đáp ứng cho tàu quy mô 70.000 DWT đến 100.000 DWT cập cảng;

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khu phát triển dịch vụ Logistics (theo Quyết định số 1401/QĐ-BGTVT ngày 26/5/2010 của Bộ Giao thông vận tải) tại vị trí quy hoạch Kho xăng dầu tại phía Nam Cảng Nghi Sơn.

7.3.3 Về giao thông đường bộ:

- Điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường giao thông chính, gồm: Kết nối tuyến đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với tuyến đường Bắc Nam 1B, đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn; cập nhật và mở rộng mặt cắt ngang tuyến đường 513, đường Bắc Nam 1B, đường Đông Tây 4 (lên 8 - 12 làn xe) thành trục chính kết nối Đông Tây; tịnh tiến đường Đông Tây 3 về phía Bắc (tránh núi Cốc); điều chỉnh đường Đông Tây 4 đoạn tuyến ra đảo Biện Sơn; tương ứng điều chỉnh một số tuyến giao thông nội bộ;

- Kéo dài tuyến đường bộ ven biển để kết nối vào đường Bắc Nam 1B;

- Điều chỉnh cập nhật để phù hợp với dự án tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo đó tại Khu kinh tế Nghi Sơn chỉ có 01 nút giao liên thông với đường Nghi Sơn - Bãi Trành tại xã Tân Trường (theo quy

hoạch cũ đã được duyệt thì có 04 nút giao liên thông); điều chỉnh 03 nút giao còn lại thành nút giao khác mức;

- Điều chỉnh quy mô mặt cắt các tuyến đường và bổ sung thêm một số nút giao khác mức.

7.3.4. Về cấp nước:

- Điều chỉnh dự báo nhu cầu cấp nước cho Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2025 khoảng 284.000 m³/ng.đêm (theo quy hoạch cũ được duyệt là 140.000 m³/ng.đêm); nhu cầu đến năm 2035 khoảng 385.000 m³/ng.đêm;

- Điều chỉnh bổ sung phương án nguồn cấp nước thô cho Khu kinh tế Nghi Sơn được lấy từ kênh Nam hệ thống Bái Thượng, được dẫn từ hồ Cửa Đạt qua kênh chính hệ thống Bái Thượng;

- Điều chỉnh vị trí nhà máy xử lý nước sạch tại hồ Kim Giao về hồ Quế Sơn, công suất 60.000 m³/ng.đêm.

7.3.5. Về cấp điện:

Điều chỉnh phân bố lại mạng lưới đường điện, trạm điện phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn mở rộng.

7.3.6. Về vệ sinh môi trường:

- Điều chỉnh mở rộng quy mô quy hoạch Khu xử lý chất thải rắn tại xã Trường Lâm từ 60ha lên khoảng 108,7ha;

- Điều chỉnh khu nghĩa trang quy hoạch tại sườn núi Xước thuộc xã Hải Thượng thành đất công nghiệp; điều chỉnh nghĩa trang quy hoạch tại xã Trường Lâm thành đất khu xử lý chất thải rắn; đồng thời mở rộng quy mô nghĩa trang (phía Tây Bắc quy hoạch chung cũ) tại xã Nguyên Bình và xây dựng thêm 01 nghĩa trang phía Bắc Khu kinh tế mở rộng; sắp xếp lại các nghĩa trang hiện có, từng bước xóa bỏ các nghĩa trang cũ không còn phù hợp quy hoạch;

- Điều chỉnh phân bố lại mạng lưới và trạm xử lý nước thải phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn mở rộng.

7.4. Điều chỉnh quy hoạch tại các khu vực mở rộng:

- Điều chỉnh quy hoạch tại các khu vực mở rộng để phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung mở rộng, gồm: Quy hoạch chung xây dựng Đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia; Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Ninh; Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ; Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trong khu vực mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Ngoài các nội dung điều chỉnh, bổ sung chính nêu trên, Đồ án quy hoạch mới cũng điều chỉnh, bổ sung một số chức năng sử dụng đất và công trình hạ tầng kỹ thuật khác để phù hợp với phương án quy hoạch mở rộng và thực trạng phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn.

8. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

8.1. Chương trình về cải tạo chỉnh trang đô thị:

- Kiểm soát chặt chẽ và lên kế hoạch giải toả đền bù đất đai, xây dựng khu trung tâm đô thị gắn với trục chính cảnh quan (trục chủ đạo);
- Xây dựng, cải tạo và bổ sung các trung tâm chuyên ngành như trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm, trung tâm văn hóa, công viên vui chơi giải trí và thể dục thể thao. Xây dựng khu quảng trường gắn với trục chính cảnh quan;
- Cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong các khu dân cư hiện hữu;
- Cải tạo hệ thống công trình thoát nước mưa và hệ thống sông ngòi khu vực đô thị trung tâm kết hợp thiết kế cảnh quan và môi trường đô thị;
- Nâng cấp hệ thống thoát nước thải, thu gom chất thải rắn.

8.2. Chương trình phát triển mới:

8.2.1. Công nghiệp: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp số 1, 2, 3, 4, 5, 6 nhằm đáp ứng nhu cầu đất công nghiệp giai đoạn trước mắt; xúc tiến đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, tổng kho dầu thô, ...; đầu tư chuẩn bị kỹ thuật, hạ tầng thiết yếu khu vực phía Tây đô thị trung tâm nhằm kêu gọi đầu tư xây dựng khu đào tạo, nghiên cứu và công nghiệp triển khai R&D gắn với tuyến đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.

8.2.2. Du lịch: Hình thành các trung tâm dịch vụ du lịch ven biển khu vực từ sông Ghép đến hết xã Hải Thanh, đảo Biện Sơn, đảo Hòn Mê; đầu tư xây dựng các công trình có tính chất tạo động lực nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển của đô thị Yên Mỹ; kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án du lịch, sân golf tại khu vực hồ Yên Mỹ và hồ Hao Hao, ...; quảng bá hình ảnh du lịch gắn với các tour tuyến du lịch tại Khu kinh tế và các khu du lịch lân cận.

8.2.3. Đô thị: Thực hiện các dự án phát triển nhà ở gắn với hệ thống hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật cho từng khu đô thị, đáp ứng việc cải tạo, sắp xếp tái định cư, nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân và hình thành đô thị.

8.2.4. Hạ tầng kỹ thuật:

- Cảng biển: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cảng biển; đầu tư mở rộng cảng về phía Bắc và phía Nam; nạo vét luồng cảng và nâng cấp cầu cảng Nghi Sơn đáp ứng cỡ tàu từ 70.000DWT – 100.000DWT;
- Đường sắt: Xây dựng mới ga trung chuyển kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistics tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm;
- Đường bộ: Hoàn thiện tuyến đường ven biển chạy qua Khu kinh tế Nghi Sơn đi Nghệ An; xây dựng mới tuyến đường tránh Quốc lộ 1A kết nối với đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; xây dựng mới tuyến đường

Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn kết nối trực tiếp vào cảng Nghi Sơn theo quy hoạch; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng giao thông khung;

- Nâng cấp, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, cấp điện, viễn thông, thoát nước trong Khu kinh tế Nghi Sơn;

- Đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải tập trung cho Khu kinh tế Nghi Sơn hiện hữu và khu đô thị trung tâm; mở rộng khu xử lý chất thải rắn tại xã Trường Lâm; mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Nguyên Bình và xây mới nghĩa trang núi Bọm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TTr HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến